

## VAI TRÒ CỦA KINH TẾ - THƯƠNG MẠI TRONG QUAN HỆ VIỆT NAM - HOA KỲ

ThS. Nguyễn Lan Hương\*

Cuộc khủng hoảng nghiêm trọng của hệ thống XHCN cuối thế kỷ XX đã làm thay đổi cơ bản hệ thống chính trị thế giới. Thêm vào đó cuộc cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại ngày càng tác động tới tất cả các quốc gia dân tộc ở mức độ khác nhau. Trong khi CNXH thoái trào, CNTB tận dụng được những thành tựu của cách mạng khoa học công nghệ nên tiếp tục thích nghi và phát triển. Trước những biến động to lớn của thời cuộc, các nước đồng loạt điều chỉnh chính sách đối ngoại để thích nghi với tình hình mới. Việt Nam và Hoa Kỳ cũng không thể đứng ngoài các xu thế của thời đại. Xu thế hòa bình, hợp tác, ưu tiên phát triển kinh tế cùng xu thế các nước có chế độ chính trị xã hội khác nhau vừa hợp tác, vừa đấu tranh trong cùng tồn tại hòa bình đã mang lại những cơ hội lớn cho hai nước cưu thủ ngồi lại với nhau.

Không chỉ có những thuận lợi về thời cuộc, mà nhu cầu lợi ích trong nước cũng đẩy hai nước xích lại gần nhau. Từ giữa những năm 80 của thế kỷ XX, Mỹ đi vào giai đoạn đấu tranh trong cùng tồn tại hòa bình với Liên Xô, Trung Quốc, hợp tác giải quyết vấn đề

khu vực. Mỹ chuyển từ thu động, sang tích cực hợp tác với Việt Nam giải quyết vấn đề Campuchia để tạo ra hòa bình và ổn định khu vực Đông Nam Á, trên cơ sở đó tạo thuận lợi cho việc lãnh đạo thế giới của Mỹ. Cố vấn an ninh quốc gia Anthony Lake trong chuyến thăm Việt Nam tháng 7/1996 tuyên bố "Mục tiêu hàng đầu của Hoa Kỳ ở châu Á - Thái Bình Dương là duy trì hòa bình và ổn định cho phát triển kinh tế và hợp tác quốc tế mở rộng. Hoa Kỳ muốn thiết lập quan hệ ổn định với tất cả các nước trong khu vực. Tổng thống Bill Clinton muốn thấy Việt Nam hòa bình, thịnh vượng, hội nhập với cơ cấu kinh tế hợp lý và đóng vai trò tích cực cho hòa bình và ổn định khu vực. Hoa Kỳ nhận thấy Việt Nam có tiềm năng đạt được những điều này; vì vậy Hoa Kỳ muốn xây dựng quan hệ hợp tác tin cậy với Việt Nam, ủng hộ Việt Nam gia nhập ASEAN và mạnh mẽ ủng hộ Việt Nam gia nhập APEC, WTO và các tổ chức khu vực, quốc tế khác"<sup>1</sup> Quan hệ với Việt Nam còn giúp Hoa Kỳ đáp ứng được các nhu cầu lợi ích trong nước như giải quyết vấn đề MIA/POW, cũng như nhằm mở cửa cho thương mại và đầu tư vào Việt Nam.

(\*) Viện Nghiên cứu Châu Mỹ

Với Việt Nam, nhiệm vụ cấp bách trong tình hình mới là chống tụt hậu, tập trung cho hai nhiệm vụ chiến lược hòa bình và phát triển, thoát khỏi khủng hoảng kinh tế, thoát khỏi bao vây - cấm vận, thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Tình hình mới tác động lớn tới việc đổi mới tư duy ở Việt Nam trong các vấn đề về an ninh - phát triển, lợi ích quốc gia - nghĩa vụ quốc tế, hợp tác và đấu tranh. Chính vì vậy chủ trương đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam trong bối cảnh mới là “chuyển từ đối đầu sang đấu tranh, cùng tồn tại trong hòa bình với các đối tác chính” (Nghị quyết 32 của Bộ Chính trị khóa V - 1986), “kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại” (Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ VI), “thêm bạn bớt thù” (Nghị quyết 13 của Bộ Chính trị khóa VI - 1988), và “Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước” (Văn kiện Đại hội Đảng VII 1991, Văn kiện Đại hội Đảng VIII 1996). Mỹ là một trong những nhân tố quan trọng trong chính sách đối ngoại của Việt Nam. Cải thiện quan hệ với Mỹ giúp Việt Nam từng bước phá thế bao vây, cấm vận của Mỹ, tiến tới bình thường hóa và phát triển quan hệ với Mỹ nhằm tận dụng các lợi thế của Mỹ về thị trường lớn, nguồn vốn và khoa học kỹ thuật tiên tiến... Thêm vào đó, quan hệ với Mỹ được coi như đòn bẩy tác động tới các đối tác khác, mở rộng quan hệ đối ngoại của Việt Nam với các nước và các tổ chức quốc tế. Mà tất cả các mục

tiêu này đều nhằm giúp Việt Nam ổn định, phát triển và góp phần tích cực vào việc giữ hòa bình ổn định và an ninh khu vực.

Chính sách đúng đắn, phù hợp với xu thế phát triển chung, và những nỗ lực của Việt Nam và Hoa Kỳ đã giúp hai nước đi tới bình thường hóa quan hệ vào năm 1995. Kể từ đó, với tinh thần “gác lại quá khứ, hướng tới tương lai”, hai quốc gia đã có những bước tiến vượt bậc trên con đường hợp tác cùng có lợi Việt Nam và Hoa Kỳ đã cùng nhau phát triển đa dạng các quan hệ từ kinh tế, thương mại, chính trị, ngoại giao, đầu tư, đến quốc phòng, an ninh, khoa học - công nghệ, giáo dục,... mang lại lợi ích thiết thực cho nhân dân hai nước, góp phần bảo đảm hòa bình, ổn định, thúc đẩy hợp tác khu vực và quốc tế. Trong các hình thức quan hệ, quan hệ kinh tế thương mại được coi là trọng điểm, góp phần đáng kể vào thành công trong quan hệ song phương.

### **Kinh tế, thương mại mở đường xây dựng nền móng quan hệ song phương**

Theo Frederick Brown, chính lợi ích kinh doanh của Mỹ trong những năm 1980 là chất xúc tác cho mối quan hệ Mỹ - Việt<sup>2</sup>. Về phần mình, Việt Nam có chủ trương chú trọng hợp tác kinh tế - thương mại trong quan hệ với Mỹ, nhằm phục vụ cho sự nghiệp phát triển đất nước trong bối cảnh mới. Nghị quyết hội nghị lần thứ 4 Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa

VIII (1997) nêu rõ: “nhanh chóng và chắc chắn thực hiện đàm phán Hiệp định thương mại với Hoa Kỳ, gia nhập APEC và WTO, mở rộng thị trường Mỹ... ”<sup>3</sup> *Kinh tế - thương mại là lĩnh vực ít nhạy cảm, dễ mang lại những điểm đồng lợi ích đã được lựa chọn để tạo ra đột phá trong quan hệ giữa hai nước cựu thù.*

Trong giai đoạn 1986-1990, mặc dù bị cấm vận nhưng Việt Nam đã xuất khẩu sang Hoa Kỳ khoảng 5 triệu USD hàng hoá. Theo số liệu của Hoa Kỳ thì nước này đã xuất khẩu sang Việt Nam hàng hóa có giá trị kim ngạch: 23 triệu USD (1987), 15 triệu USD (1988) và 11 triệu USD (1989)<sup>4</sup>. Năm 1991, khi hai bên bắt đầu tiến hành những thảo luận đầu tiên để tiến tới bình thường hóa quan hệ, Hoa Kỳ đã đưa ra một lộ trình để bình thường hóa quan hệ ngoại giao, cũng như một phác thảo về thỏa thuận thương mại song phương. Hoa Kỳ cũng đưa ra một số biện pháp để tạo điều kiện thuận lợi cho việc bình thường hóa quan hệ kinh tế giữa hai nước. *Để đi tới bình thường hóa quan hệ, một loạt những bước đạo đầu kinh tế đã được thực thi.* Ngày 14/12/1992, Tổng thống George Bush cho phép các công ty Hoa Kỳ có thể mở văn phòng đại diện tại Việt Nam và ký các hợp đồng sau khi lệnh cấm vận thương mại được bãi bỏ. Ngày 2/7/1993, Tổng thống Bill Clinton ủy quyền cho Quỹ Tiền tệ Quốc tế tái tài trợ cho Việt Nam số tiền 140 triệu USD, mở đường cho việc các Tổ chức quốc tế hỗ trợ tài chính cho Việt Nam. Ngày

14/9/1993, Tổng thống Bill Clinton cho phép các công ty Hoa Kỳ tham dự vào một số dự án phát triển được quốc tế tài trợ tại Việt Nam. Ngày 3/2/1994, Tổng thống Mỹ Bill Clinton thông báo quyết định bãi bỏ lệnh cấm vận thương mại đối với Việt Nam. Việc xóa bỏ lệnh cấm vận thương mại có ý nghĩa to lớn, giúp đẩy nhanh quá trình bình thường hóa quan hệ giữa hai nước. Vào ngày 11/7/1995, Tổng thống Mỹ Bill Clinton và Thủ tướng Việt Nam Võ Văn Kiệt tuyên bố bình thường hóa quan hệ ngoại giao giữa hai nước. Kể từ đó, quan hệ Việt Nam và Hoa Kỳ liên tục phát triển mạnh mẽ. *Như vậy, có thể nói, quan hệ kinh tế thương mại đã đặt những viên gạch đầu tiên tạo nền móng xây dựng vững chắc quan hệ song phương giữa Việt Nam và Hoa Kỳ.*

### **Góp phần xây dựng khuôn khổ thể chế quan hệ vững chắc**

Để tạo thuận lợi cho quan hệ kinh tế, Việt Nam và Hoa Kỳ có nhiều nỗ lực xây dựng khuôn khổ pháp lý kinh tế, và chính những khuôn khổ pháp lý này đã góp phần xây dựng khuôn khổ thể chế vững chắc cho quan hệ giữa hai nước. Ngay sau khi bình thường hóa, trong năm 1996, hai nước đã trao đổi tài liệu hướng dẫn xây dựng nguyên tắc cho các cuộc đàm phán tái bình thường hóa quan hệ, xây dựng các hiệp định phát triển kinh tế và thương mại song phương. Trong năm 1997, hai bên đã giải quyết vấn đề các khoản vay từ chính phủ hai

nước trước đó và đã ký kết các thỏa thuận về quyền tác giả vào ngày 27/6. Kế đó, Tổng thống Clinton đã thông báo thu hồi áp dụng đạo luật Jackson-Vanik vào ngày 11/3/1998, mở đường thúc đẩy hợp tác thương mại và kinh tế giữa hai nước. Trong tháng 3/1998, Việt Nam và Hoa Kỳ chính thức ký Hiệp định cho phép Cơ quan Đầu tư Tư nhân Hải ngoại Hoa kỳ (OPIC) hoạt động ở Việt Nam. Ngày 9/12/1999, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Xuất Nhập khẩu Hoa Kỳ (EXIMBANK) chính thức ký Hiệp định Bảo lãnh khung và Hiệp định Khuyến khích dự án đầu tư. Những động thái này giúp đẩy nhanh hai nước tiến tới ký kết Hiệp định thương mại song phương (BTA) vào ngày 13/7/2000. Do có độ phủ lớn, liên quan đến nhiều lĩnh vực thương mại, dịch vụ lao động, đầu tư, sở hữu trí tuệ, nên BTA cung cấp một cơ sở pháp lý quan trọng cho hợp tác kinh tế, thương mại và đầu tư giữa hai nước, cũng như mốc báo quan trọng mở ra cơ hội to lớn cho các doanh nghiệp giữa hai bên. Ngoài ra, việc ký kết BTA với Hoa Kỳ giúp nâng Việt Nam lên vị thế ngang bằng với các nước láng giềng Đông Nam Á tại thị trường Mỹ, và là nền tảng giúp Việt Nam gia nhập WTO sau này. Sau khi BTA có hiệu lực vào ngày 10/12/2001, Hoa Kỳ ngay lập tức cho Việt Nam hưởng Quy chế quan hệ thương mại bình thường (NTR), nhờ vậy hàng hóa từ Việt Nam sang Mỹ được hưởng mức thuế quan nhập khẩu trung bình giảm

khoảng từ 40% xuống còn 4%, mở ra thị trường xuất khẩu lớn cho Việt Nam. Đến tháng 11/2006, Hoa Kỳ cho Việt Nam hưởng Quy chế quan hệ thương mại bình thường vĩnh viễn (PNTR). Đây được coi là bước cuối cùng để bình thường hóa hoàn toàn quan hệ kinh tế giữa hai nước. Những nỗ lực của Việt Nam và sự hợp tác xây dựng của Hoa Kỳ giúp Việt Nam trở thành thành viên thứ 150 của WTO vào ngày 11/1/2007, và điều này giúp tăng tốc quá trình giải quyết các vấn đề cải cách kinh tế và pháp lý, thúc đẩy đàm phán Hiệp định khung về Thương mại và Đầu tư (TIFA) giữa Việt Nam và Hoa Kỳ. Hiệp định này đã được ký vào ngày 21/6/2007. Đây được coi là một bước ngoặt trong hợp tác song phương Mỹ - Việt, và là bước tiếp theo của BTA đã ký trong năm 2000. Với TIFA, hai bên có thể cải thiện môi trường đầu tư và thương mại. Đồng thời “Hoa Kỳ và Việt Nam sẽ khởi động đàm phán Hiệp định Đầu tư song phương” (BIT), thể hiện sự cam kết của hai bên về đối xử công bằng, không phân biệt và minh bạch đối với đầu tư nước ngoài”<sup>5</sup>. Rõ ràng, kể từ khi bình thường hóa ngoại giao, ký kết BTA, PNTR, TIFA chứng tỏ những bước phát triển vượt bậc của quan hệ kinh tế và thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ, cũng như cho thấy các khuôn khổ pháp lý cho các quan hệ kinh tế thương mại giữa hai bên đã được xác định chính xác hơn.

### Mở rộng cơ chế hợp tác thông qua các thể chế đa phương

Quan hệ kinh tế - thương mại giữa hai nước không chỉ được thể hiện ở những dấu ấn thể chế pháp lý song phương quan trọng, mà còn được thể hiện thông qua các cơ chế hợp tác đa phương. Một số thể chế đa phương kinh tế - thương mại quan trọng tạo thêm khuôn khổ rộng hơn cho sự phát triển của quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ có thể kể tới như ASEAN, APEC, WTO, TPP.

Hoa Kỳ đã tham gia và sẽ tham gia đầy đủ trong các tổ chức đa phương trong khu vực, như ASEAN, APEC, nhưng điều đáng chú ý là sự tham gia của Mỹ trong những tổ chức khu vực chỉ mang tính bổ sung cho các quan hệ song phương sẵn có mà không thay thế các mối quan hệ song phương của Mỹ trong khu vực. Do đó, quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ thông qua những tổ chức kinh tế quốc tế sẽ tiếp tục tăng cường quan hệ song phương, đặc biệt là kinh tế thương mại của hai bên.

Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), được thành lập vào năm 1967, là một tổ chức liên kết khu vực về kinh tế và chính trị ngày càng có vị thế trên trường quốc tế, và có mối quan hệ chặt chẽ với Hoa Kỳ. Trong những cuộc họp gần đây giữa ASEAN - Hoa Kỳ, các vấn đề an ninh, chính trị, hợp tác phát triển và các vấn đề kinh tế được đưa vào chương trình nghị sự. Các quan điểm về phát triển thương mại đã được trao đổi trong các cơ chế hợp tác khu vực như

APEC, AFTA, NAFTA và EAEC. Hợp tác kinh tế cũng được bàn tới thông qua các cơ chế như Ủy ban Thương mại và Đầu tư (TICC), Hội nghị Tham vấn giữa Bộ trưởng Kinh tế ASEAN và Đại diện Thương mại Hoa Kỳ (AEM-USTR) và Hội nghị các quan chức kinh tế cấp cao và đại diện thương mại Hoa Kỳ (SEOM-USTR), Ủy ban ASEAN - Washington. ASEAN ngày càng đóng vai trò quan trọng với nền kinh tế - thương mại của Mỹ. Năm 2013, trao đổi hàng hóa hai bên đạt mốc 206 tỷ USD. ASEAN là thị trường xuất khẩu và đối tác thương mại lớn thứ tư của Mỹ. Vai trò quan trọng của ASEAN trong chiến lược xoay trục của Mỹ luôn được các quan chức cấp cao khẳng định. Chẳng hạn, mới đây trong cuộc họp thượng đỉnh Đông Á tháng 11/2014 tại Nay Pyi Daw, Tổng thống Barack Obama đã tuyên bố Hoa Kỳ muốn thắt chặt quan hệ với khối Đông Nam Á, trong khuôn khổ chiến lược "xoay trục" sang châu Á. Do đó, ASEAN là một kênh quan trọng trong sự phát triển của quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ nói chung và các quan hệ kinh tế thương mại nói riêng.

Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) được thành lập vào năm 1989. APEC không phải là một tổ chức có mức độ ràng buộc cao như WTO và ASEAN, mà là một diễn đàn được tổ chức tốt cho hợp tác và đối thoại kinh tế trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Kể từ khi chính thức gia nhập APEC vào năm 1998, Việt Nam đã

có nhiều cơ hội, thông qua diễn đàn này, để phát triển quan hệ kinh tế sâu hơn với các đối tác chủ chốt trong APEC, đặc biệt là Hoa Kỳ. Chẳng hạn, trong tháng 11/2006, Tổng thống G.W. Bush có chuyến thăm đầu tiên tới Việt Nam trong khuôn khổ các cuộc họp APEC.

Việc Việt Nam trở thành thành viên thứ 150 của WTO vào ngày 11/1/2007 mang lại những cơ hội hợp tác phát triển hơn nữa cho hai nước, chẳng hạn, Mỹ dỡ bỏ quy định áp dụng hạn ngạch cho hàng dệt may của Việt Nam. Dù tạo ra chương trình giám sát chống bán phá giá thông qua các đạo luật chống trợ cấp đối với hàng công nghiệp dệt may của Việt Nam, nhưng về tổng thể việc dỡ bỏ quy định hạn ngạch giúp xuất khẩu hàng dệt may được cải thiện hơn nhiều so với thời gian trước khi Việt Nam gia nhập WTO. Trước khi gia nhập WTO, do ảnh hưởng của các quy định hạn ngạch xuất khẩu, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu hàng dệt may từ Việt Nam sang Hoa Kỳ chỉ ở mức khiêm tốn từ 5% đến 10%. Tuy nhiên, trong năm 2007 kim ngạch xuất khẩu dệt may tăng 30%. Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa khác cũng tăng khoảng 25%. Rõ ràng, thông qua hội nhập vào WTO, Việt Nam đã cải thiện được đáng kể mối quan hệ kinh tế thương mại với Mỹ.

Trong bối cảnh của chiến lược xoay trục, các công cụ kinh tế ngày càng đóng vai trò quan trọng và được tăng cường triển khai mạnh mẽ hơn. Chính quyền Obama đã sớm khởi động một số

công cụ kinh tế trong khu vực như: tổ chức Hội nghị Thượng đỉnh Kinh tế ASEAN - Mỹ. Hội nghị thượng đỉnh này sẽ cho phép đại diện các doanh nghiệp) từ Mỹ và các nước ASEAN trao đổi ý kiến và trực tiếp nêu ra các đề nghị đối với các Bộ trưởng Kinh tế ASEAN. Các bộ trưởng ASEAN sẽ có cuộc họp chung với Hội đồng Khu vực Tự do Thương mại ASEAN và Hội đồng Khu vực Đầu tư ASEAN. Ngoài ra Mỹ còn có các sáng kiến như tăng cường tham gia kinh tế giữa Mỹ - ASEAN năm 2012, Sáng kiến hạ lưu sông Mekong, xây dựng năng lực kinh tế ở các nước như Campuchia, Lào, Myanmar và Việt Nam nhằm đưa các nước này gần hơn với những nền kinh tế tiên tiến trong ASEAN. Singapore và Indonesia sẽ giúp các nước ASEAN còn lại sớm đạt mục tiêu đưa ra của Cộng đồng Kinh tế ASEAN vào năm 2015. Đạt được cam kết này sẽ cho phép ASEAN duy trì một tiếng nói tương đối gắn kết về các vấn đề khu vực và tránh bất đồng.

Trong số các công cụ kinh tế mới được triển khai đó, nổi bật nhất là sáng kiến Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP). TPP trở thành công cụ chiến lược giúp tăng cường quan hệ giữa Mỹ với các nước trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, để đối trọng với các cơ chế kinh tế đa phương lấy Trung Quốc làm trung tâm như CAFTA, ASEAN+3. Đây là một thỏa hiệp toàn diện bao gồm tất cả các 'trụ cột' chính của tự do thương mại như trao đổi hàng

hoá, xuất xứ hàng hoá, bồi thường trong mâu dịch, các biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm, các rào cản kỹ thuật về thương mại, trao đổi dịch vụ, sở hữu trí tuệ, chính sách cung cấp và cạnh tranh cho chính quyền. Trong những cuộc đàm phán trước khi ký TPP, các đối tác đều thỏa thuận mục tiêu của TPP là tập hợp kinh tế các quốc gia thành viên - phát triển cũng như đang phát triển - thành một cộng đồng thương mại tự do duy nhất không còn hàng rào quan thuế. Cộng đồng này sẽ gồm 800 triệu người, nắm 40% kinh tế thế giới với hai nước chủ chốt là Mỹ và Nhật Bản. Tuy được hình thành từ kết quả ký kết ban đầu của bốn nước Brunei, Singapore, Chile, New Zealand (trong năm 2005) nhưng hiện TPP đã trở thành một phiên bản sáng tác của Mỹ. TPP có mục đích ản ý đắg sau là ngăn chặn bắnh trắg Trung Quốc về kinh tế và quân sự ở Tây Thái Bình Dương. TPP cũng giúp bổ sung các mối quan hệ an ninh của Washington. Các nước tham gia TPP chủ yếu là đồng minh quân sự thân cận của Hoa Kỳ và một số nước có vị trí chiến lược quan trọng có thiện chí với Mỹ, cùng chia sẻ mối quan tâm về hành động quyết đoán quân sự của Trung Quốc. Nếu thành công, TPP giúp lấp đắg khoảng trống kinh tế trong chính sách xoay trục châu Á của Hoa Kỳ, giúp làm tăng luồng thương mại giữa các thành viên, làm cho các thành viên ít phụ thuộc vào thương mại với Trung Quốc và qua đó tăng cường vị thế kinh tế

của họ so với người láng giềng không lồ này. Quan trọng hơn là, TPP cũng kéo Hoa Kỳ trở lại cuộc chơi tự do thương mại mà Trung Quốc đang tạo ra bằng việc ký kết, hoặc đang theo đuổi Hiệp định tự do thương mại với một số nước thành viên TPP bao gồm Singapore, Australia, New Zealand và Chile

Cựu Ngoại trưởng Hillary Clinton đã chính thức mời Việt Nam tham gia đàm phán TPP tại hội nghị thượng đỉnh EAS ở Hà Nội vào năm 2010. Điều này khẳng định vai trò quan trọng kinh tế - chính trị - chiến lược của Việt Nam với Hoa Kỳ. Sau đó, vào ngày 13/11/2010, tại Hội nghị thượng đỉnh APEC tổ chức tại Nhật Bản, Chủ tịch Việt Nam Nguyễn Minh Triết đã chính thức công bố quyết định của Việt Nam tham gia các cuộc đàm phán TPP với tư cách là một thành viên chính thức. TPP sẽ mở ra trước mắt Việt Nam nhiều cơ hội mới trong việc tiếp cận thị trường Hoa Kỳ cũng như các nền kinh tế phát triển khác, giúp học hỏi kinh nghiệm phát triển kinh tế thị trường của các nước này,... Đồng thời đây cũng là thách thức đối với Việt Nam trong việc đẩy mạnh cải cách kinh tế để hội nhập bền vững hơn với các thành viên TPP có nền kinh tế thị trường khác, tận dụng quy định phổ cập ưu đãi thuế quan, tăng cường hợp tác với Mỹ, và được hưởng các quyền lợi khác mà sự tham gia này mang lại. TPP sẽ là một bước tiến tự nhiên theo

hướng tăng cường các quan hệ kinh tế năng động giữa Việt Nam và Hoa Kỳ.

Từ những phân tích trên, có thể thấy rõ ràng rằng Việt Nam tận dụng lợi thế là tham gia các tổ chức đa phương như ASEAN, APEC, WTO, và TPP để tăng cường phát triển hơn nữa quan hệ kinh tế thương mại Mỹ - Việt.

### **Tác động lan tỏa tích cực sang các hình thức quan hệ khác**

Không phải ngẫu nhiên mà các mốc quan trọng quan hệ kinh tế - thương mại thường kéo theo các mốc quan trọng về an ninh - chính trị, cho thấy các tác động tích cực của quan hệ kinh tế thương mại tới quan hệ khác. Ngày 3/2/1994, Tổng thống Clinton tuyên bố bỏ hoàn toàn cấm vận thương mại với Việt Nam thì ngay sau đó, Mỹ và Việt Nam đã đạt thỏa thuận mở cơ quan liên lạc ở thủ đô hai nước vào ngày 26/5/1994, và mở Cơ quan Liên lạc tại Washington, D.C. và Hà Nội trong tháng 2/1995, kéo theo tuyên bố chính thức bình thường hóa quan hệ ngoại giao trong tháng 11/7/1995. Ngay sau khi Việt Nam - Hoa Kỳ ký thỏa thuận về nguyên tắc Hiệp định thương mại song phương tại Hà Nội 25/7/1999, thì Bộ trưởng Quốc phòng Hoa Kỳ William Cohen thăm Việt Nam vào ngày 13/3/2000 sau nhiều lần bị trì hoãn. Vào ngày 13/7/2000, hai nước ký kết BTA, thì chỉ sau bốn tháng, vào tháng 11/2000, Tổng thống Bill Clinton trở thành tổng thống đầu tiên của Hoa Kỳ thăm chính thức Việt Nam kể từ khi kết thúc chiến tranh Việt Nam. Vào ngày

31/5/2006, Việt Nam và Hoa Kỳ đã kết hiệp định thương mại song phương về việc Việt Nam gia nhập WTO, thì cũng ngay sau đó Tổng thống George W. Bush dự Hội nghị cấp cao APEC và lần đầu tiên thăm Việt Nam trong tháng 11/2006. Vào tháng 12/2006, Hoa Kỳ cho phép Việt Nam được hưởng Quy chế thương mại bình thường vĩnh viễn thì sáu tháng sau (tháng 6/2007), Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết có chuyến thăm chính thức tới Hoa Kỳ. Sau khi Việt Nam gia nhập WTO, tuy các mối quan hệ an ninh quốc phòng giữa hai bên phát triển nhanh chóng, nhưng việc Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết chính thức công bố quyết định của Việt Nam tham gia các cuộc đàm phán TPP tại Hội nghị thượng đỉnh APEC tổ chức tại Nhật Bản ngày 13/11/2010 đã giúp đẩy nhanh quy trình tiến tới ký kết biên bản ghi nhớ về thúc đẩy hợp tác quốc phòng song phương trong năm 2011.

*Các sự kiện kinh tế - thương mại quan trọng đã trở thành cơ hội để thúc đẩy các quan hệ khác, lực đẩy tạo đột phá trong quan hệ an ninh - chính trị - ngoại giao. Sau các đột phá trong quan hệ an ninh - chính trị - ngoại giao đều có bóng dáng của các mốc quan trọng trong quan hệ kinh tế - thương mại.*

### **Thành tựu trong quan hệ thương mại Việt - Mỹ**

Những thành tựu rực rỡ đạt được trong quan hệ kinh tế, thương mại và đầu tư giữa Việt Nam và Hoa Kỳ đã trở thành điểm sáng nhất trong quan hệ hai

nước. Trong năm 2009, khi kinh tế thế giới và Mỹ rơi vào khủng hoảng trầm trọng thì Việt Nam vẫn được coi là một trong số ít các nước xuất khẩu thành công nhất sang thị trường Hoa Kỳ với giá trị hơn 13 tỷ USD. Từ chỗ chỉ chiếm 1% tổng giá trị xuất khẩu của ASEAN vào Hoa Kỳ năm 2000, kết thúc năm 2014 Việt Nam đạt khoảng 22% tổng giá trị xuất khẩu của khu vực vào thị trường này. Và năm 2014 cũng là năm đầu tiên Việt Nam vượt qua các đối thủ chính trong khu vực là Thái Lan, Malaysia và Indonesia để trở thành quốc gia xuất khẩu lớn nhất khu vực vào thị trường Hoa Kỳ. Những kết quả ấn tượng này biến Hoa Kỳ từ vị trí là thị trường xuất khẩu thứ 9 của Việt Nam vào thời điểm năm 1994, lên vị trí thứ 6 vào năm 2000, và từ năm 2005 trở thành thị trường xuất khẩu hàng đầu của Việt Nam. Hiện Hoa Kỳ chiếm khoảng 20% thị phần xuất khẩu của Việt Nam. Bản thân Việt Nam cũng cải thiện đáng kể thứ hạng của mình tại thị trường Hoa Kỳ. Từ chỗ xuất khẩu không đáng kể vào thời điểm năm 1994, Việt Nam trở thành nước xuất khẩu thứ 66 vào Hoa Kỳ trong năm 2000, chiếm được thứ hạng 29 trong năm 2007 và mới đây năm 2014, trở thành nước xuất khẩu thứ 15 vào Hoa Kỳ. Dẫu vậy, thị phần xuất khẩu của Việt Nam tại thị trường Mỹ còn ở mức thấp, chưa tới 1% (tính theo số liệu 2013 là 0,79%). Và điều này cũng có nghĩa là quan hệ thương mại hai nước còn rất nhiều dư địa để phát triển.

*Nhập khẩu* của Việt Nam từ Hoa Kỳ năm 1995 đạt 252,8 triệu USD; năm 2000 đạt 367,7 triệu USD; năm 2013 đạt 5 tỷ USD. Nhập khẩu hàng hóa từ Hoa Kỳ có sự tăng trưởng đột phá trong năm 2007, với mức tăng 72,7% so với năm 2006, là thời điểm sau khi Việt Nam được hưởng Quy chế PNTR. Trong năm 2008, sau khi Việt Nam gia nhập WTO, nhập khẩu từ thị trường Hoa Kỳ cũng tăng mạnh với tốc độ 46,6%. Nói chung kim ngạch nhập khẩu từ Hoa Kỳ có giá trị không đáng kể (hiện đứng ở mức hơn 5 tỷ USD), và có thị phần thấp trong tỷ trọng hóa nhập khẩu của Việt Nam (chiếm 3,8% trong năm 2013). Do đó, Hoa Kỳ vẫn chỉ đứng trong top 50 các nhà xuất khẩu lớn vào Việt Nam và hiện đứng ở vị trí 44.

*Kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam và Hoa Kỳ*, từ mức chỉ đạt 226,8 triệu USD vào thời điểm bỏ cấm vận thương mại (năm 1994) và 462,9 triệu USD vào thời điểm chính thức bình thường hóa quan hệ ngoại giao (năm 1995), đã tăng lên 1,25 tỷ USD vào năm 2000 (thời điểm ký kết BTA). Trong giai đoạn 2001-2006, kim ngạch thương mại hai chiều tăng từ 1,6 tỷ USD lên 10,37 tỷ USD, tăng bình quân gần 110% một năm. Kể cả trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế, kim ngạch thương mại hai chiều giữa hai bên tăng bình quân ở mức 26,2% một năm.

*Cán cân thương mại hàng hóa của Việt Nam* trong trao đổi thương mại với Hoa Kỳ luôn dương kể từ năm 1997, và

đạt mức lớn trong những năm gần đây. Cụ thể trong năm 1997, mức thặng dư hàng hóa của Việt Nam trong buôn bán với Hoa Kỳ ở mức khiêm tốn là 134,8 triệu USD, thì tới năm 2002 tăng hơn 15 lần lên 2 tỷ USD, vượt qua con số 11 tỷ USD vào năm 2008. Đến năm 2014, xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ cao gấp 6,6 lần so với nhập khẩu dẫn đến mức xuất siêu của Việt Nam sang thị trường này đạt con số kỷ lục 26,3 tỷ USD. Thặng dư thương mại này có vai trò rất quan trọng trong việc tích lũy ngoại tệ và ổn định nền kinh tế Việt Nam.

Phân tích *cơ cấu nhóm ngành hàng* trong dòng chảy thương mại Việt - Mỹ có thể thấy: *Thứ nhất*, cơ cấu mặt hàng xuất nhập khẩu của Việt Nam có sự chuyển biến tích cực, như tăng khả năng sản xuất hàng hóa thành phẩm và xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ, tăng xuất khẩu các mặt hàng có quy trình công nghệ sản xuất cao (điện - điện tử). *Thứ hai*, hai nền kinh tế rõ ràng có tính bổ sung cho nhau, như việc Việt Nam nhập khẩu nguyên liệu thô, tân dụng nguồn lao động rẻ trong nước để gia công và xuất khẩu thành phẩm sang thị trường Hoa Kỳ. *Thứ ba*, Việt Nam tận dụng được lợi thế so sánh của mình khi nhóm sản phẩm hàm lượng lao động phổ thông cao chiếm tỷ trọng rất lớn trong cơ cấu hàng xuất khẩu. Chỉ tính riêng hàng dệt may đã chiếm khoảng 28,4% tổng kim ngạch hàng hóa từ Việt Nam xuất khẩu sang Hoa Kỳ và chiếm gần 46,82% kim ngạch xuất khẩu hàng dệt

may của cả nước trong 10 tháng đầu năm 2014. Như vậy, gần một nửa kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam được xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ.

Các doanh nghiệp Mỹ tiếp tục thể hiện sự quan tâm cao đối với thị trường Việt Nam, tăng cường tìm hiểu cơ hội hợp tác đầu tư với Việt Nam. Mỹ là quốc gia đứng thứ 7 trong tổng số 101 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư vào Việt Nam với 712 dự án và tổng vốn đầu tư khoảng 10,92 tỷ USD. Tính đến hết tháng 11/2014, Mỹ đã đầu tư 29 dự án mới và 9 dự án tăng vốn với tổng vốn đạt 248 triệu USD.

### **Phanh hãm bất đồng**

Do khác biệt về hệ thống chính trị, tồn tại bất đồng trong quan hệ giữa Việt Nam và Hoa Kỳ là không tránh khỏi. Một số bất đồng tồn tại trong quan hệ song phương hai nước có thể kể tới như khác biệt trong vấn đề dân chủ, nhân quyền, hay việc Mỹ tiếp tục thực hiện nhiều biện pháp và rào cản thương mại khi áp đặt cơ chế giám sát cá da trơn; áp dụng các chính sách vệ sinh thực phẩm đối với hàng hoa quả và mật ong... Nhưng những cơ chế hợp tác song phương, đa phương và những thành tựu đạt được ở trên sẽ trở thành phanh hãm bất đồng trong quan hệ hai nước.

*Thứ nhất*, các thể chế kinh tế quốc tế như WTO, ASEAN, APEC, TPP,... tạo cho Việt Nam và Mỹ cơ hội tiếp xúc, giao tiếp, hợp tác để giải quyết vấn đề.

Điều này dẫn đến việc tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau và sử dụng các biện pháp hòa bình như đàm phán hay ngoại giao để giải quyết tranh chấp, hoặc các vấn đề đang tồn tại giữa hai nước hơn là sử dụng biện pháp cứng rắn. Ví dụ, dựa trên yêu cầu của Việt Nam, các cơ quan giải quyết tranh chấp thương mại của WTO đã thành lập một ủy ban để giải quyết tranh chấp giữa Việt Nam và Hoa Kỳ trong vấn đề chống bán phá giá. Thông qua hoạt động của APEC, các nhà lãnh đạo hai bên có rất nhiều cơ hội ngồi lại với nhau để thảo luận các vấn đề quan trọng, bao gồm cả các vấn đề kinh tế. Kết quả là, cho đến nay tranh chấp thương mại giữa hai bên không làm ảnh hưởng tới quan hệ Việt - Mỹ nói chung, không có tranh chấp thương mại nào trở thành xung đột giữa hai nước.

*Thứ hai*, thương mại và phát triển kinh tế góp phần tạo thêm nhiều tương tác giữa Việt Nam và Mỹ, thông qua đó giúp xây dựng niềm tin, tránh hiểu lầm và tăng hiểu biết lẫn nhau hơn, do đó tạo ra tiềm năng cho tương tác tích cực, tăng quan hệ hợp tác và ngăn chặn các cuộc xung đột trong tương lai. Hỗ trợ thúc đẩy thương mại (STAR) và hỗ trợ cho việc thực thi pháp luật và các dự án hội nhập kinh tế tài trợ của Chính phủ Mỹ là một ví dụ của sự hợp tác giữa hai chính phủ bởi nhu cầu của Việt Nam đối với phát triển kinh tế và thương mại. STAR sinh ra bởi vì Chính phủ Việt Nam yêu cầu hỗ trợ kỹ thuật từ Mỹ sau khi BTA được ký kết. STAR có hai mục

đích chính là: giúp các cơ quan nhà nước thực hiện các cam kết trong BTA, và đáp ứng các yêu cầu gia nhập WTO. Dự án làm việc với 56 cơ quan nhà nước của Việt Nam, hỗ trợ 166 cải cách pháp luật, trong đó 130 cuộc cải cách pháp luật và các văn bản pháp luật được hỗ trợ bởi STAR đã được phê duyệt.

Ngoài ra, trong khuôn khổ viện trợ kinh tế, Chính phủ Mỹ đã giúp Việt Nam số tiền 1,4 triệu USD để thực hiện các chuyến bay trực tiếp sang Mỹ. Kể từ khi Việt Nam trở thành thành viên của WTO, các chuyến bay trực tiếp đã tạo thêm cơ hội thương mại và du lịch giữa hai nước, và tăng cường sự tham gia của Việt Nam trong nền kinh tế toàn cầu. Các hoạt động tiếp xúc ngày càng tăng không chỉ thúc đẩy hợp tác, mà còn góp phần tăng sự hiểu biết lẫn nhau. Điều này giúp hai nước tránh những hiểu lầm và giảm xung đột trong tương lai.

*Thứ ba*, quan hệ kinh tế thương mại đang làm gia tăng sự phụ thuộc lẫn nhau trong quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ, giúp kiềm chế bất đồng không trở thành xung đột trong quan hệ hai bên. Sự phụ thuộc lẫn nhau thể hiện qua tính bổ sung cho nhau giữa hai nền kinh tế khi Việt Nam nhập khẩu nguyên liệu thô, tận dụng nguồn lao động rẻ trong nước để gia công và xuất khẩu thành phẩm sang thị trường Hoa Kỳ. Sự phụ thuộc lẫn nhau thể hiện qua những lợi ích kinh tế mà hai bên đã thu được. Việt Nam tận dụng được lợi thế so sánh của mình khi nhóm sản phẩm hàm lượng lao động phổ

thông cao chiếm tỷ trọng rất lớn trong cơ cấu hàng xuất khẩu (chiếm hơn 60% hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ). Chi tính riêng hàng dệt may đã chiếm khoảng 28,4% tổng kim ngạch hàng hóa từ Việt Nam xuất khẩu sang Hoa Kỳ và chiếm gần một nửa (46,82%) kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may của cả nước trong 10 tháng đầu năm 2014. Mỹ khai thác được những ưu thế của Việt Nam về chi phí lao động thấp, giàu tài nguyên, cải cách kinh tế và chính trị mạnh mẽ, ưu đãi cho các nhà đầu tư và cơ sở hạ tầng tương đối tốt. Kết quả là, Mỹ tiếp tục là đối tác kinh tế và thị trường xuất khẩu hàng đầu của Việt Nam, còn Việt Nam hiện là đối tác thương mại lớn thứ 4 tại ASEAN của Mỹ, sau Singapore, Malaysia, Thái Lan. Tác động lan tỏa từ những phát triển kinh tế - thương mại góp phần tăng thêm sự phụ thuộc lẫn nhau giữa hai nước.

### Tăng triển vọng tương lai tươi sáng

Có nhiều tín hiệu giúp khẳng định được tương lai ngày càng tốt đẹp trong quan hệ kinh tế - thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ. Trước mắt năm 2015 sẽ là một năm được nhiều trông đợi, do hai bên sẽ tổ chức kỷ niệm 20 năm hai nước bình thường hóa quan hệ và theo dự kiến sẽ ký Hiệp định TPP. Đây sẽ là cơ hội chưa từng có để thúc đẩy hơn nữa quan hệ kinh tế thương mại giữa hai nước. Đồng thời, khi mà Việt Nam đang ngày càng làm tốt hơn việc cải cách các thủ tục hành chính, cải tiến về kỹ thuật nâng

cao chất lượng hàng hóa xuất khẩu thì kim ngạch thương mại hai chiều chắc chắn sẽ vượt xa hơn nhiều con số 37,3 tỷ USD của năm 2014. Phòng Thương mại Hoa Kỳ cho biết Việt Nam đã trở thành một đối tác thương mại quan trọng của Hoa Kỳ trong khu vực Đông Nam Á với giá trị thương mại song phương được ước tính khoảng 57 tỷ USD năm 2020.

Việt Nam trở thành thị trường trọng điểm của doanh nghiệp Mỹ. Một cuộc khảo sát có sự tham gia của hơn 350 nhà lãnh đạo doanh nghiệp Mỹ hoạt động tại khu vực Đông Nam Á mà Nhật báo phố Wall đăng tải, cho thấy khoảng 57% số công ty nói họ muốn mở rộng hoạt động kinh doanh tại Việt Nam, trong khi tại Indonesia là 6%, Thái Lan là 11%. Điều này cho thấy dù các nước Đông Nam Á như Indonesia và Philippines có trở nên hấp dẫn hơn, nhưng Việt Nam vẫn là thị trường trọng điểm của giới đầu tư Mỹ. Do đó, khả năng Hoa Kỳ sẽ trở thành nhà đầu tư số 1 vào Việt Nam trong thời gian tới là hoàn toàn khả thi. Khi doanh nghiệp Mỹ vào Việt Nam gia tăng thì cũng đồng nghĩa với việc tăng cường quan hệ thương mại song phương.

*"Mục tiêu của TPP là trở thành một nền tảng tiềm năng cho hội nhập kinh tế trên toàn khu vực châu Á Thái Bình Dương sẽ thúc đẩy các lợi ích kinh tế của Mỹ và Việt Nam"*<sup>6</sup>. Thành công ký kết TPP sẽ mang lại những đột phá trong quan hệ kinh tế - thương mại nói riêng và quan hệ toàn diện nói chung

giữa hai nước. Ký kết TPP giúp làm giảm các rào cản thương mại với Hoa Kỳ, tạo điều kiện thúc đẩy quan hệ thương mại giữa hai nước. Dự báo, nếu TPP được ký kết thì kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam vào Hoa Kỳ có khả năng tăng lên mức trên 20% tổng kim ngạch xuất khẩu. Theo Viện Nghiên cứu Peterson ở Washington DC, Việt Nam sẽ có quyền tiếp cận với thị trường trị giá 15.000 tỷ USD của Hoa Kỳ và những thị trường như Canada, Mexico và Peru, trị giá khoảng 3.000 tỷ USD khi TPP có hiệu lực<sup>7</sup>. TPP không chỉ giúp Việt Nam mở rộng các mặt hàng có lợi thế hiện nay, mà còn tạo cơ hội xuất khẩu các sản phẩm mới. Phòng Thương mại Hoa Kỳ ước tính, xuất khẩu dệt may của Việt Nam vào Hoa Kỳ có thể đạt tới 22 tỷ USD vào năm 2020 nếu TPP được thông qua. Tác động của TPP sẽ giúp may mặc và giày dép xuất khẩu của Việt Nam vào Hoa Kỳ tăng tới 45,9% vào năm 2025<sup>8</sup>. Còn theo chuyên viên kinh tế Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Hà Nội Marybeth Turner, Hiệp định TPP được kỳ vọng sẽ giúp các doanh nghiệp Việt Nam tăng cường tiếp cận thị trường cho các sản phẩm mới như phụ tùng ô tô và thủy sản chế biến, thúc đẩy đầu tư từ Hoa Kỳ và các nước khác vào Việt Nam<sup>9</sup>.

Những thành quả đạt được này không chỉ nhờ những thuận lợi khách quan, mà còn nhờ vào phát triển năng lực không ngừng của các doanh nghiệp Việt trong đầu tư phát triển sản xuất,

đổi mới công nghệ, khiến khả năng cạnh tranh của hàng Việt Nam trên thị trường quốc tế được cải thiện, cơ cấu hàng xuất khẩu ngày càng phong phú hơn. Trong triển vọng quan hệ thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ còn nhiều dư địa phát triển và ngày càng tươi sáng, các doanh nghiệp Việt Nam cần chủ động tích cực khai thác hơn nữa những cơ hội trước mắt, mở rộng quy mô và tăng cường năng lực sản xuất để có khả năng đáp ứng những đơn hàng lớn; đầu tư nhiều cho nghiên cứu khoa học, kỹ thuật để tạo ra sản phẩm tốt hơn, giá thành rẻ hơn; tăng cường tìm hiểu thông tin thị trường như tìm hiểu biểu thuế quan hài hòa của Hoa Kỳ, từ đó xác định nhu cầu cũng như đối thủ cạnh tranh cho sản phẩm của doanh nghiệp, chủ động tham gia các triển lãm thương mại công nghiệp tại Hoa Kỳ để tiếp cận khách hàng kinh doanh tiềm năng, tham gia thành mắt xích trong các chuỗi bán lẻ của nước này; phát triển chiến lược, quyết định thời điểm và quy mô thâm nhập thị trường; cải tiến công nghệ, nâng cao năng suất lao động, chủ động, tích cực tham gia vào chuỗi sản xuất và cung ứng trong khu vực và toàn cầu. Chính phủ Việt Nam cần hỗ trợ các doanh nghiệp tập trung vào xây dựng cơ sở hạ tầng trong nước phục vụ xuất khẩu được nhanh hơn, khối lượng lớn hơn và với chi phí rẻ hơn, cũng như tiếp tục cải cách thủ tục hành chính tạo thuận lợi thương mại, đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu sản xuất, hỗ trợ tìm

hiều thông tin thị trường thông qua các thương vụ,...

*Tóm lại*, sau 20 năm bãi bỏ lệnh cấm vận thương mại, đến nay hợp tác Việt Nam - Hoa Kỳ ngày càng hiệu quả và thực chất hơn. Hoa Kỳ đã trở thành đối tác thương mại lớn thứ hai (sau Trung Quốc) và thị trường xuất khẩu hàng đầu của Việt Nam kể từ năm 2005. Trong chuyến thăm Việt Nam tháng 12/2013, Ngoại trưởng J. Kerry đã khẳng định "... Kể từ khi bình thường hóa quan hệ, Việt Nam đã trở thành một đối tác quan trọng hàng đầu của Hoa Kỳ. Và có lẽ thương mại là lĩnh vực phát triển mạnh mẽ nhất. Giữa hai nước chúng ta đã có một lịch sử khó khăn... Nay, sau 20 năm bình thường hóa quan hệ là lúc chúng ta cùng nhau hợp tác chặt chẽ hơn nữa vì sự thịnh vượng chung của cả hai dân tộc". Dựa trên thành quả của hợp tác song phương 20 năm qua, hai nước hiện nay đang tiếp tục hợp tác chặt chẽ với nhau để xác định các quy tắc cho thương mại và đầu tư, nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đối với nền kinh tế mỗi nước, chẳng hạn như việc thúc đẩy tiến trình đàm phán TPP.

Kinh tế - thương mại được xem là nền tảng quan trọng nhất để mỗi quan hệ Việt - Mỹ tiếp tục phát triển vững chắc trong tương lai. Hợp tác kinh tế - thương mại Việt - Mỹ đã tạo cơ hội cho nhân dân hai nước thu hoạch những lợi ích to lớn, góp phần tạo công ăn việc làm, thúc

đẩy thể chế hoá, cải thiện năng suất lao động và nâng cao chất lượng cuộc sống. Hợp tác kinh tế - thương mại góp phần định hình khuôn khổ quan hệ đối tác toàn diện cho quan hệ song phương và chắc chắn sẽ tiếp tục thúc đẩy quan hệ Việt - Mỹ nâng lên tầm cao mới ■

#### Chú thích:

- 1 Nguyễn Vũ Tung Chief author (2005), Vietnam's partnership framework, , Institute for International Relations, Hanoi
- 2 Brown Frederick Z. (2010), "Rapprochement between Vietnam and the United States," Contemporary Southeast Asia: A Journal of International and Strategic Affairs, Vol 32, No 3, p. 321
- 3 Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 59-60
- 4 Đảng Thủy Văn (2008), Quan hệ thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ trước và sau khi Việt Nam gia nhập WTO, Trường Đại học Kinh tế, Luận văn ThS ngành: Kinh tế thế giới & Quan hệ KTQT; Mã số: 60 31 07.
- 5 Tuyên bố chung Việt Nam - Hoa Kỳ, <http://vietnamnet.vn/chinhtri/2008/06/790526/>
- 6 Embassy of the United States Hanoi, Vietnam "US -Vietnam Bilateral Economic Relations 15 Years of Success".
- 7 "Việt Nam được hưởng lợi nhiều nhất từ TPP", <http://www.vcci.com.vn/nguyen-cuu/2013120309503360/viet-nam-duoc-huong-loi-nhieu-nhat-tu-tpi.htm>
- 8 9 "Cơ hội đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ từ TPP" [http://www.mof.gov.vn/portal/page/portal/mf/Newdetail?p\\_page\\_id=43058593&pers\\_id=42972397&item\\_id=160088323&p\\_details=1](http://www.mof.gov.vn/portal/page/portal/mf/Newdetail?p_page_id=43058593&pers_id=42972397&item_id=160088323&p_details=1)